

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **127/2021/HC-PT**

Ngày: 19 - 3 - 2021

V/v: “Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào;
Bà Lê Thuý Cầu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 78/2020/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 743/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1930.

Địa chỉ: Đức.

Tạm trú tại: TP Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị H, sinh năm: 1931.

Thường trú tại: TP Hồ Chí Minh.

Tạm trú tại: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1948. Có mặt.

Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Minh N – Trưởng phòng Quản lý nhà và khai thác nhà Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phòng Công chứng số 2 thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Địa chỉ: TP Đà Nẵng.

- Trung tâm Quản lý và Khai thác Nhà Đà Nẵng. Vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

4. Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Nguyên trước đây vào năm 1968 ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H đã mua nhà và đất tại địa chỉ 68 đường K (nay là số 192 O, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng) theo giấy đoạn mãi nhà ngày 30/3/1968 của vợ chồng ông Trần Duy D và bà Lâm Thị H, có chứng thực của Khu trưởng Khu phố T, thị xã Đà Nẵng ngày 30/3/1968 và đã trước bạ tại Ty Trước bạ Đà Nẵng ngày 03/4/1968 (thuộc chế độ cũ). Sau khi mua nhà vợ chồng ông bà đã xây dựng lại thành nhà 3 tầng để ở và sản xuất kinh doanh nước đá. Sau năm 1975 ông C bà H chuyển sang nghề gia công vàng bạc.

Năm 1977 Hội đồng kiểm kê tài sản các nhà tư bản kinh doanh công thương nghiệp và các hiệu vàng đã kiểm kê và lập biên bản tạm giữ của vợ chồng ông C bà H một số vàng, bạc các loại và đến năm 1996 nhà nước trả lại toàn bộ số vàng bạc đã tạm giữ trước đây lại cho gia đình ông bà.

Trong năm 1977, Ủy ban nhân dân phường T cử 02 cán bộ là ông Phan Văn C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (đã chết) cùng ông Lê L - cảnh sát khu vực đi cùng ông Bùi Phúc X - chủ nhiệm hợp tác xã mua bán TP. Đà Nẵng (đã chết) đến mượn nhà của vợ chồng ông bà để làm trụ sở làm việc, vợ chồng ông bà đã cho HTX Đà Nẵng mượn tầng 2 và tầng 3 làm văn phòng, còn lại vợ chồng ông bà sử dụng tầng 1 ngôi nhà (thời điểm đó HTX mua bán Đà Nẵng mượn nhà không viết giấy tờ gì).

Năm 1979, theo chủ trương của Nhà nước, vận động nhân dân đi kinh tế mới, vợ chồng ông bà đã xung phong đi kinh tế mới tự túc tại huyện C, tỉnh Tiền Giang, do vậy HTX mua bán TP Đà Nẵng đã mượn toàn bộ ngôi nhà để làm việc. Năm 1984, vợ chồng ông bà được nhà nước cho xuất cảnh sang Cộng Hòa Liên Bang Đức theo diện đoàn tụ gia đình (do các con bảo lãnh). Năm 1997, bà

Trần Thị H được nhà nước cho hồi hương về lại Việt Nam. Ngày 04/8/1997, ông Nguyễn Văn C đã lập giấy tờ ủy quyền cho bà Trần Thị H thay mặt chồng quản lý, sử dụng, mua bán, sang nhượng phần nhà thuộc sở hữu của ông C trong căn nhà 68 sau đổi thành 124 đường K cũ (nay là số 192 O, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng). Tháng 5/1997 bà Trần Thị H có đơn gửi Sở Địa chính thành phố Đà Nẵng về việc xin lại nhà 68 sau đổi thành 124 đường K cũ (nay là số 192 O, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng) nhưng không giải quyết.

Liên tục từ năm 1997 đến nay bà H đã có nhiều đơn gửi đến các cơ quan có thẩm quyền của thành phố Đà Nẵng để xin lại căn nhà 192 O, Đà Nẵng.

Đến ngày 30/11/2016 bà H nhận được văn bản số 11770/SXD-TTS ngày 29/11/2016 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng gửi Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc liên quan đến đơn kiến nghị của bà H, trong đó có nội dung: Gia đình bà H đã nhiều lần có đơn đòi lại nhà đất số 192 O, Đà Nẵng. Ngày 19/10/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 8040/QĐ-UB về việc giải quyết đơn của ông C bà H, tuy nhiên Ủy ban nhân dân không chấp nhận đơn ông C bà H đòi lại nhà 192 O và khẳng định nhà này thuộc sở hữu của Nhà nước.

Ngày 19/10/2016, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định 7140/QĐ-UBND về việc thu hồi, bố trí nhà đất thuộc sở hữu nhà nước tại 192 O cho phòng Công chứng số 2 thuộc Sở Tư pháp để làm trụ sở làm việc.

Do từ trước đến nay vợ chồng ông bà chưa bao giờ nhận được Quyết định số 8040/QĐ-UB ngày 19/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Tại Quyết định này Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng căn cứ vào Nghị định 02/CP ngày 04/01/2013 của Hội đồng Chính phủ để thu hồi nhà đất 192 O giao cho Công ty Quản lý Khai thác nhà đất quản lý với lý do Liên hiệp hợp tác sản xuất thương mại và dịch vụ Đà Nẵng sử dụng không hết diện tích cho tư nhân thuê lại.

Như vậy trước ngày 23/6/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng trước đây không có bất kỳ quyết định nào tịch thu, quản lý nhà đất tại 192 O, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc ban hành chính sách quản lý và cải tạo xã hội chủ nghĩa cho thuê của các đô thị ở các tỉnh phía nam trong đó có chính sách quản lý đối với nhà, đất vắng chủ, để từ đó Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng có quyết định giao cho Hợp tác xã sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đà Nẵng được quyền sử dụng nhà đất tại địa chỉ 192 O làm trụ sở làm việc và trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng mới ban hành Quyết định số 3758/QĐ-UB ngày 23/6/2003 về việc thu hồi nhà, đất tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng giao cho Công ty Quản lý và khai thác nhà đất quản lý.

Từ đó thấy rằng việc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng không có bất cứ Quyết định nào quản lý và bố trí cho HTX mua bán thành phố Đà Nẵng

cũ và sau này là Liên hiệp hợp tác sản xuất thương mại và dịch vụ Đà Nẵng được quyền sử dụng nhà đất tại 192 O làm trụ sở làm việc, nhưng lại ban hành Quyết định số 3758/QĐ-UB ngày 23/6/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi nhà, đất tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng giao cho Công ty Quản lý và khai thác nhà đất quản lý là không có căn cứ, không logic. Do vậy việc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cho rằng nhà đất tại 192 O, thành phố Đà Nẵng sau giải phóng nhà nước đã bố trí sử dụng là không có cơ sở, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông C bà H.

Quyết định số 8040/QĐ-UB ngày 19/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị H, không chấp nhận đơn xin trả lại nhà của ông C, bà H là không có căn cứ pháp luật. Việc HTX mua bán thành phố Đà Nẵng mượn nhà không có giấy mượn nhà nhưng có một số nhân chứng trong đoàn cán bộ đi mượn nhà còn sống biết rõ và xác nhận việc vợ chồng ông C bà H cho HTX mua bán Đà Nẵng mượn nhà để làm trụ sở làm việc.

Năm 1984 vợ chồng ông bà H xuất cảnh sang Cộng Hòa Liên Bang Đức theo diện đoàn tụ với gia đình nhưng Nhà nước không bắt viết đơn hiến tặng tài sản của ông bà cho Nhà nước. Do đó ngôi nhà 192 O, thành phố Đà Nẵng vẫn thuộc sở hữu của ông bà.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 3758/QĐ-UB ngày 23/6/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi nhà, đất tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng giao cho Công ty Quản lý và khai thác nhà đất quản lý và Quyết định số 8040/QĐ-UB ngày 19/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị H đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp, gây thiệt hại đến tài sản của ông bà.

Ngôi nhà này không thuộc diện vắng chủ, không thuộc diện cải tạo công thương nghiệp, không thuộc diện cho thuê, không thuộc diện nguy quân nguy quyền. Do đó việc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quản lý là không đúng và không có quyết định thu hồi, quản lý. Ông C và bà H đã tiến hành khiếu kiện đòi nhà nhiều lần nhưng không được giải quyết.

Vì vậy ông C, bà H yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 3758/QĐ-UB ngày 23/6/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi nhà, đất tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng giao cho Công ty Quản lý và khai thác nhà đất quản lý.

- Quyết định số 8040/QĐ-UB ngày 19/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị H.

- Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi, bố trí nhà đất thuộc sở hữu nhà nước tại số

192 O, thành phố Đà Nẵng cho Phòng công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng thuê làm trụ sở làm việc.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, tôi được biết đất số 192 O, thành phố Đà Nẵng không còn cho Phòng công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng thuê làm trụ sở làm việc nên tôi rút yêu cầu hủy Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi, bố trí nhà đất thuộc sở hữu nhà nước tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng cho Phòng công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng thuê làm trụ sở làm việc.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, ông Trần Văn Miên trình bày:

Về cơ sở pháp lý: Nhà đất tại số 192 (166 cũ) O thành phố Đà Nẵng có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H đã theo giấy đo đạc mãi nhà ngày 30/3/1968 của vợ chồng ông Trần Duy D và bà Lâm Thị H, theo giấy đo đạc mãi nhà trên lô đất công chiếm hữu, có xác nhận của chính quyền địa phương chế độ cũ và đã trước bạ sang tên cải nghiệp, diện tích 78m² kết cấu nhà trệt, mái tôn, tường xây + phen tre, nền xi măng. Sau đó, ông bà xây dựng lại thành nhà 03 tầng, xây dựng 02 tầng trên để ở, tầng trệt dùng để sản xuất nước đá. Sau giải phóng năm 1975 ông C bà H chuyển sang nghề gia công vàng bạc.

Nhà đất tại số 192 O thành phố Đà Nẵng sau giải phóng nhà nước đã bố trí sử dụng, hộ bà H xuất cảnh đi nước ngoài rồi mới hồi hương, không ủy quyền cho ai quản lý, không có giấy tờ chứng minh việc đã cho HTX mua bán thành phố mượn vào thời điểm năm 1977.

Căn cứ Điều 1 Nghị quyết 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà nước và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/2011:

“Điều 1. Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 1991. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất”.

Do đó việc Nhà nước quản lý nhà, đất tại số 192 O thành phố Đà Nẵng là đúng chính sách.

Việc ông C, bà H đòi lại nhà nêu trên và yêu cầu hủy bỏ: Quyết định số 3758/QĐ-UB ngày 23/6/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi nhà, đất tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng giao cho Công ty Quản lý và khai thác nhà đất quản lý; Quyết định số 8040/QĐ-UB ngày 19/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn

Văn C, bà Trần Thị H; Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi, bố trí nhà đất thuộc sở hữu nhà nước tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng cho Phòng công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng thuê làm trụ sở làm việc là không có cơ sở để giải quyết.

Đối với Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có Quyết định 5388/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 về việc thu hồi, hủy bỏ chủ trương bố trí nhà đất thuộc sở hữu nhà nước tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng cho Phòng công chứng số 02 tại Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 và giao cho Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng quản lý nhà đất tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng theo đúng quy hoạch. Do đó, Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 không còn là đối tượng khởi kiện trong vụ án nêu trên.

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên các Quyết định số 3758/QĐ-UB ngày 23/6/2003, Quyết định số 8040/QĐ-UB ngày 19/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và không chấp nhận việc đòi lại nhà 192 O, thành phố Đà Nẵng.

Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 8040/QĐ-UB ban hành từ ngày 19/10/2010, trong Quyết định có nêu rõ Quyết định số 3758/QĐ-UB ngày 23/6/2003 về việc thu hồi nhà, đất tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng do Liên hiệp Hợp tác xã sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đà Nẵng sử dụng không hết diện tích, cho tư nhân thuê lại để giao cho Công ty Quản lý và Khai thác nhà đất quản lý.

Tại Điều 2 Quyết định số 8040/QĐ-UB ngày 19/10/2010: “Nếu không đồng ý với nội dung quyết định này, ông C bà H có quyền khởi kiện theo quy định”.

Căn cứ khoản 1 và điểm a, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện:

1. “Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau:

a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc”.

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị Tòa án yêu cầu bà H chứng minh thời điểm nhận được Quyết định số 8040/QĐ-UB ngày 19/10/2010 để thực hiện quyền khởi kiện vụ án theo quy định tại Điều 5, Điều 115 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Trong trường hợp bà H không chứng minh được thì đề nghị Tòa án ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính vì hết thời hiệu khởi kiện nên thuộc trường hợp trả lại đơn khởi kiện theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 123 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Đề nghị Tòa án giữ nguyên các Quyết định số 3785/QĐ-LB ngày 23/6/2003; Quyết định số 8040/QĐ-UB ngày 19/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và không chấp nhận việc đòi lại nhà 192 O, thành phố Đà Nẵng của ông C, bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt trình bày:

Tôi thống nhất với ý kiến đã trình bày của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Đề nghị Tòa án giữ nguyên các Quyết định số 3785/QĐ-UB ngày 23/6/2003; Quyết định số 8040/QĐ-UB ngày 19/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và không chấp nhận việc đòi lại nhà 192 O, thành phố Đà Nẵng của ông C, bà H.

Đại diện Công ty Quản lý và Khai thác Nhà Đà Nẵng, ông Lê Doãn Lâm trình bày:

Thống nhất với ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Nhà đất tại số 192 (166 cũ) O thành phố Đà Nẵng có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H đã theo giấy đoạn mãi nhà ngày 30/3/1968 của vợ chồng ông Trần Duy D và bà Lâm Thị H Oanh theo giấy đoạn mãi nhà trên lô đất công chiếm hữu, có xác nhận của chính quyền địa phương chế độ cũ và đã trước bạ sang tên cải nghiệp, diện tích 78m² kết cấu nhà trệt, mái tôn, tường xây+phên tre, nền xi măng. Sau năm ông bà xây dựng lại thành nhà 03 tầng, xây dựng 02 tầng trên để ở, tầng trệt dùng để sản xuất nước đá. Sau giải phóng năm 1975 ông C bà H chuyển sang nghề gia công vàng bạc.

Theo bà H khai thì năm 1977 đã cho HTX mua bán thành phố Đà Nẵng mượn 02 tầng lầu làm văn phòng (không có giấy mượn), sau này mới có xác nhận về thời điểm mượn của ông Lê Kim Tài, Võ Ngọc Dương, Lê L.

Năm 1979 gia đình ông C đi kinh tế mới tự túc tại huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang. Năm 1984 ông C, bà H xuất cảnh sang Cộng hòa liên Bang Đức theo diện đoàn tụ gia đình (do các con bảo lãnh). HTX mua bán thành phố sử dụng. HTX mua bán thành phố sử dụng toàn bộ diện tích nhà đất này và sau đó Hợp đồng thuê với cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự thời gian như sau:

Ngày 17/10/1990 Phòng Xây dựng thành phố ký kết hợp đồng thuê nhà số 13HTX với Công ty Kinh doanh dịch vụ tổng hợp trên cơ sở thay thế Hợp đồng thuê số 48/CQ tháng 11/1988.

Ngày 27/6/1995 Công ty Đầu tư Phát triển nhà Đà Nẵng ký kết Hợp đồng thuê nhà số 44/CQ với Liên hiệp Hợp tác xã Mua bán thành phố Đà Nẵng.

Ngày 11/3/2002 Công ty Quản lý và Khai thác Nhà đất tiếp tục ký hợp đồng thuê cho Liên hiệp HTX Sản xuất Thương mại và Dịch vụ thành phố thuê theo hợp đồng số 83/HĐ-CQ.

Đến năm 2003 do HTX không sử dụng hết diện tích nhà và cho tư nhân thuê lại nên ngày 23/6/2003 Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 3785/QĐ-UB về việc thu hồi nhà đất giao cho Công ty Quản lý và Khai thác Nhà đất quản lý.

Tiếp đến ngày 19/10/2016, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 về việc thu hồi, bố trí nhà đất thuộc sở hữu nhà nước tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng cho Phòng công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng thuê làm trụ sở làm việc.

Đối với việc ông C, bà H đòi lại nhà 192 O, thành phố Đà Nẵng thì ngày 04/8/1997, ông C lập ủy quyền cho bà H để xin lại nhà 192 O, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 1 Nghị quyết 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà nước và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/2011 như sau:

“Điều 1 Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 1991. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất”.

Ngày 19/10/2010 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 8040/QĐ-UB về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị H. Theo đó Ủy ban nhân dân thành phố không chấp nhận đơn đòi lại nhà của ông bà và khẳng định nhà này thuộc sở hữu của Nhà nước quản lý. Do đó việc Nhà nước quản lý ngôi nhà, đất tại 192 O, thành phố Đà Nẵng là đúng quy định.

Từ cơ sở Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 8040/QĐ-UBND ngày 19/10/2010, ngày 19/5/2017 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ra Quyết định đình chỉ số 09/2017/QĐST-HC đình chỉ giải quyết vụ án hành chính giữa người khởi kiện ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H với người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Hiện nay ngôi nhà số 192 O thành phố Đà Nẵng do Trung tâm Quản lý đã chấm dứt việc cho Phòng công chứng số 02 thuê.

Như vậy về nguồn gốc và căn cứ các quy định của Nhà nước trong quá trình xử lý, quản lý khu nhà đất 192 O, thành phố Đà Nẵng nêu trên, Công ty Quản lý và Khai thác nhà thấy việc ông C và bà H hủy bỏ Quyết định số 3758/QĐ-UB ngày 23/6/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 8040/QĐ-UB ngày 19/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Đà Nẵng và Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng là không có cơ sở.

Phòng Công chứng số 2 trình bày:

Ngày 19/10/2016 Phòng Công chứng số 2 thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cho Phòng công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng thuê làm trụ sở làm việc theo Quyết định số 7140/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi, bố trí nhà đất thuộc sở hữu nhà nước tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng cho Phòng công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng thuê làm trụ sở làm việc.

Tuy nhiên vào ngày 13/11/2018 Ủy ban nhân dân đã ra Quyết định 5388/QĐ- UBND về việc thu hồi, hủy bỏ chủ trương bố trí nhà đất thuộc sở hữu nhà nước tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng cho Phòng công chứng số 02 thuê tại Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 và giao cho Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng quản lý nhà đất tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng theo đúng quy hoạch. Do đó, Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 không còn là đối tượng khởi kiện trong vụ án nêu trên. Vì vậy, hiện nay Phòng công chứng số 2 thành phố Đà Nẵng không còn liên quan đến nhà đất tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 116, 158, 193, 204 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; Án lệ số 27/2019/AL về thụ lý, giải quyết vụ án hành chính liên quan đến nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01-7-1991; Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H về việc hủy Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H về yêu cầu hủy Quyết định số 3758/QĐ-UB ngày 23/6/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi nhà, đất tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng giao cho Công ty Quản lý và khai thác nhà đất quản lý; Quyết định số 8040/QĐ-UB ngày 19/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị H;

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/10/2020 bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Đại diện người khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khởi kiện.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị L, đại diện người khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H: Gia đình ông C bà H trước giải phóng có công nuôi dưỡng cách mạng, không thuộc diện cải tạo công thương nghiệp phải thu hồi tài sản, nhà cửa. Thực tế, năm 1977 Hội đồng kiểm kê tài sản các nhà tư bản kinh doanh công thương nghiệp đã kiểm kê và lập biên bản tạm giữ của vợ chồng ông C bà H một số vàng, bạc các loại và đến năm 1996 nhà nước trả lại toàn bộ số vàng bạc đã tạm giữ trước đây lại cho gia đình ông bà. Trước khi đi kinh tế mới, gia đình ông có cho HTX mua bán mượn nhà, nhà nước không có quản lý; nhưng sau đó về lấy lại nhà thì không cho và nói Nhà nước đã quản lý thu hồi. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, huỷ Quyết định số 3758/QĐ-UB ngày 23/6/2003, Quyết định số 8040/QĐ-UBND ngày 19/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và trả lại nhà cho ông bà.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng:

Nhà đất tại số 192 O thành phố Đà Nẵng có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H. Năm 1979 gia đình ông C đi kinh tế mới tự túc tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 1984 ông C, bà H xuất cảnh sang Cộng hòa liên Bang Đức theo diện đoàn tụ gia đình (do các con bảo lãnh). HTX mua bán thành phố sử dụng toàn bộ diện tích nhà đất này và sau đó Hợp đồng thuê với cơ quan quản lý nhà nước thành phố Đà Nẵng. Cụ thể, Ngày 17/10/1990 Phòng Xây dựng thành phố ký kết hợp đồng thuê nhà số 13/HTX với Công ty Kinh doanh dịch vụ tổng hợp trên cơ sở thay thế Hợp đồng thuê số 48/CQ tháng 11/1988. Ngày 27/6/1995 Công ty Đầu tư Phát triển nhà Đà Nẵng ký kết Hợp đồng thuê nhà số 44/CQ với Liên hiệp Hợp tác xã Mua bán thành phố Đà Nẵng. Ngày 11/3/2002 Công ty Quản lý và Khai thác Nhà đất tiếp tục ký hợp đồng thuê cho Liên hiệp HTX Sản xuất Thương mại và Dịch vụ thành phố thuê theo hợp đồng số 83/HĐ-CQ. Đến năm 2003 do HTX không sử dụng hết diện tích nhà và cho tư nhân thuê lại nên ngày 23/6/2003 Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 3785/QĐ-UB về việc thu hồi nhà đất giao cho Công ty Quản lý và Khai thác Nhà đất quản lý. Tiếp đến ngày 19/10/2016, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 về việc thu hồi, bố trí nhà đất thuộc sở hữu nhà nước tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng cho Phòng công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng thuê làm trụ sở làm việc. Vì vậy, Căn cứ Điều 1 Nghị quyết 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà nước và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/2011 ông C bà H không

có quyền đòi lại ngôi nhà nói trên. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông C bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét về nguồn gốc ngôi nhà 192 O là của vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H. Tuy nhiên, khi ông bà đi kinh tế mới cho rằng có cho HTX mua bán thành phố Đà Nẵng thuê nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Thực tế, kể từ năm 1988 Liên hiệp HTX mua bán thành phố Đà Nẵng ký hợp đồng thuê ngôi nhà nói trên với các cơ quan quản lý nhà đất thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2003 do HTX không sử dụng hết diện tích nhà và cho tư nhân thuê lại nên ngày 23/6/2003 Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 3785/QĐ-UB về việc thu hồi nhà đất giao cho Công ty Quản lý và Khai thác Nhà đất quản lý. Như vậy, ngôi nhà nói trên đã được nhà nước quản lý và thu hồi; đổi chiếu quy định tại Điều 3 Nghị quyết 755/2005/NQ-UBTVQH1 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Điều 1 Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26-11-2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01-7-1991 quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông C bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C và bà H, huỷ Quyết định số 3758/QĐ-UB ngày 23/6/2003, Quyết định số 8040/QĐ-UBND ngày 19/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và trả lại nhà cho ông bà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định, thời hiệu khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng:* Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định Quyết định số 8040/QĐ-UBND ngày 19/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (gọi tắt là Quyết định 8040) về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H được ban hành căn cứ vào quy định tại Điều 1 Nghị quyết 23/2003/QH11 ngày 26-11-2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01-7-1991, là đúng thẩm quyền,

trình tự, thủ tục ban hành quyết định, thời hiệu khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng, là có căn cứ. Hơn nữa, bà Nguyễn Thị L cũng không kháng cáo vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] *Về nội dung: Xét về nguồn gốc nhà đất tại 192 (số cũ là 68 K) O, thành phố Đà Nẵng:* Ngôi nhà và đất này do ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H nhận chuyển nhượng của ông Trần Duy D và bà Lâm Thị H vào năm 1968, được Khu Trưởng khu phố T xác nhận mua bán ngày 30/3/1968; Trường ty Trước bạ Đà Nẵng trước bạ ngày 03/4/1968. Theo ông C bà H trình bày cho rằng vào năm 1977 ông, bà có cho Hợp tác xã mua bán thành phố Đà Nẵng mượn 02 tầng của ngôi nhà để sử dụng làm văn phòng. Khi mượn, HTX có viết giấy nhưng đến nay đã thất lạc. Thực hiện chủ trương của chính quyền thành phố Đà Nẵng, năm 1979 ông bà tự nguyện đi kinh tế mới tại Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Khi về thì toàn bộ nhà đất của ông bà đã bị Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quản lý, ông bà không rõ lý do gì. Ông bà đã có đơn đòi lại nhà đất nhưng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 8040/QĐ-UBND ngày 19/10/2010 không chấp nhận yêu cầu của ông bà vì cho rằng nhà đất của ông C, bà H nhà nước đã quản lý quản lý nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, để xác định ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H có phải là đối tượng có nhà đất thuộc diện nhà nước quản lý theo quy định hay không, Tòa án cấp sơ thẩm đã có Công văn số 617/CV-TA ngày 27/6/2019 yêu cầu Phòng Hồ sơ Công an thành phố Đà Nẵng cung cấp thông tin về nhân thân ông C bà H. Tại Công văn số: 69/PHS-AN ngày 23/9/2019 của Phòng Hồ sơ Công an thành phố Đà Nẵng thể hiện: *“Trước năm 1975 ông C có 01 bản chứng chỉ hợp lệ quân dịch cấp ngày 29/7/1969, được Ủy ban hiện dịch Quảng Ngãi cho hoãn dịch 01 năm vì lý do gia cảnh. Ngoài ra, hồ sơ không thể hiện nội dung gì khác liên quan đến chế độ cũ trước năm 1975; Bà Trần Thị H hồ sơ không thể hiện quá trình hoạt động cho chế độ cũ trước năm 1975”*. Như vậy, đối chiếu với quy định đối tượng có nhà cửa, đất đai thuộc diện cải tạo xã hội chủ nghĩa, ở các đô thị của các tỉnh Phía Nam quy định tại khoản 2, mục IV của Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977 của Hội đồng Chính phủ, thay đổi, bổ sung tại quy định Điều 2 Quyết định số: 305-CP ngày 17/11/1977 thì nhà đất của ông C và bà H không thuộc diện *“nhà cửa, đất đai thuộc diện cải tạo xã hội chủ nghĩa, ở các đô thị của các tỉnh Phía Nam”*.

[4] Xét lời trình bày của ông C và bà H cho rằng, vào năm 1977 Ủy ban nhân dân phường T đến vận động ông bà cho Hợp tác xã mua bán thành phố Đà Nẵng mượn 02 tầng lầu của ngôi nhà để làm văn phòng; khi mượn có lập giấy nhưng đến nay đã thất lạc và người mượn là ông Phan Văn C - Phó Chủ tịch và Chủ nhiệm Hợp tác xã đến nay đã chết, chỉ có xác nhận của 03 nhân chứng gồm các ông: Lê Kim Tài, Võ Văn Đương và Lê L là những người trong Đoàn đến mượn 2 tầng nhà cho Hợp tác xã làm văn phòng; ngoài ra, không có tài liệu,

chứng cứ nào khác thể hiện ông C, bà H cho Hợp tác xã mua bán Đà Nẵng thuê ngôi nhà nói trên nên không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Ngược lại, đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và các cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đều xác định, trên cơ sở Hợp tác xã quản lý sử dụng ngôi nhà nói trên, đến năm 1990 Phòng Xây dựng thành phố Đà Nẵng ký Hợp đồng số 13/HTX cho Liên hiệp Hợp tác xã mua bán thành phố Đà Nẵng thuê toàn bộ ngôi nhà. Năm 1995 Công ty Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng cho Liên hiệp Hợp tác xã mua bán thành phố Đà Nẵng thuê toàn bộ nhà đất theo Hợp đồng số 44/HĐ-CQ; Năm 2002 Công ty Quản lý và Khai thác Nhà đất thành phố Đà Nẵng cho Liên hiệp Hợp tác xã thuê theo Hợp đồng số 83/HĐ-CQ. Năm 2003 Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thu hồi nhà đất giao cho Trung tâm Trợ giúp Pháp lý sử dụng và đến năm 2016 giao cho Phòng Công chứng số 2 sử dụng.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, ngôi nhà và đất tại 192 (số cũ là 68 K) O, thành phố Đà Nẵng mặc dù không thuộc diện thu hồi và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ) nay là Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng không ban hành quyết định quản lý đối với nhà đất nêu trên nhưng thông qua việc các cơ quan có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ký hợp đồng cho Hợp tác xã thuê, sau đó bố trí cho Trung tâm Trợ giúp Pháp lý, Phòng Công chứng số 2 sử dụng đã thể hiện sự quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, đã trực tiếp quản lý nhà đất như quy định tại Điều 3 Nghị quyết 755/2005/NQ-UBTVQH1 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Như vậy, nhà đất tại 192 O, thành phố Đà Nẵng được xác định Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất và không thừa nhận việc đòi lại nhà đất theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26-11-2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01-7-1991: *“Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 1991.*

Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất”.

[7] Đối chiếu với Án lệ số 27/2019/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 22 tháng 8 năm 2019 và được công bố theo Quyết định số 293/QĐ-CA ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về thụ lý, giải quyết vụ án hành chính liên quan đến nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách quản lý nhà

đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991, Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C và bà H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3758/QĐ-UB ngày 23/6/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi nhà, đất tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng giao cho Công ty Quản lý và khai thác nhà đất quản lý; Quyết định số 8040/QĐ-UB ngày 19/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị H là có căn cứ, đúng qui định pháp luật về chính sách nhà đất qua các thời kỳ.

[8] Đối với Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, bà L là người đại diện theo ủy quyền cho ông C, bà H rút yêu cầu nên Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu hủy Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng của ông C và bà H là có căn cứ.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị L kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để làm thay đổi quyết định của Bản án sơ thẩm. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L; ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp, cần chấp nhận, bác kháng cáo của bà L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

[10] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Áp dụng Điều 1 Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26-11-2003 của Quốc hội; Điều 3 Nghị quyết 755/2005/NQ-UBTVQH1 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Án lệ số 27/2019/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 22 tháng 8 năm 2019 và được công bố theo Quyết định số 293/QĐ-CA ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H về việc hủy Quyết định số 7140/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

3. Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H về yêu cầu hủy Quyết định số 3758/QĐ-UB ngày 23/6/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi nhà, đất tại số 192 O, thành phố Đà Nẵng giao cho Công ty Quản lý và khai thác nhà đất quản lý; Quyết định số 8040/QĐ-UB ngày 19/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị H;

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông